TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HSST
Ngày 07/7/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Khánh Thiện**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hồng Hà.

Bà Đỗ Thị Thu Thủy.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:* Bà Vũ Thị Huyền - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:* Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2017/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Xuân S, sinh năm: 1981 tại xã C, huyện D, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; con ông Phạm Xuân T, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1954; có vợ Nguyễn Thị G, sinh năm 1984; có 02 con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/3/2017 đến ngày 25/3/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Phạm Xuân S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tháng 12 năm 2016, Phạm Xuân S thuê nhà của anh Lê Văn K, sinh năm 1978, ở thôn I, thị trấn J, huyện E, tỉnh Hải Dương để mở quán cà phê Z. Đến tháng 3/2017, S thuê Trần Thị H, sinh năm 1987, ở thôn F, xã O , huyện P, tỉnh Lào Cai làm nhân viên phục vụ cà phê tại quán. Do muốn thu lời bất chính nên S bàn bạc và thống nhất với H nếu khách đến quán có nhu cầu mua dâm thì S sẽ là người trực tiếp đứng ra môi giới, thỏa thuận và thu tiền của khách với số tiền 250.000đ một lần mua dâm, còn H sẽ đi bán dâm. Số tiền thu được trong mỗi lần bán dâm sẽ được chia cho S 100.000đ, H được hưởng 100.000 đồng, còn 50.000đ trả tiền thuê phòng nghỉ.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/3/2017, có hai đối tượng tự khai là Bùi Văn Q, sinh năm 1977, ở thôn R, xã A, huyện E, tỉnh Hải Dương và Nguyễn Tiến M, sinh năm 1984, ở thôn U, xã V, huyện E, tỉnh Hải Dương đến quán cà phê Z uống nước. Q đã trực tiếp đặt vấn đề mua dâm với S, S đồng ý và bảo Q phải trả số tiền

250.000đ cho một lần mua dâm (bao gồm cả tiền thuê phòng nghỉ), Q đồng ý và đưa cho S 250.000đ. S bảo H đi bán dâm cho Q, S đưa cho H 50.000đ để trả tiền phòng. Anh M ngồi uống nước tại quán. H cùng với Q sang nhà nghỉ Y (ở gần quán cà phê Z) do anh Vũ Văn X, sinh năm 1965 làm chủ đặt vấn đề với chị Phạm Thị L, sinh năm 1964 (*vợ của anh Vũ Văn X)* thuê phòng nghỉ và xin chị L 01 bao cao su, rồi cùng Q đi lên phòng 503 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, khi H đang bán dâm cho Q tại phòng 503, nhà nghỉ Y thì bị Công an huyện Cẩm Giàng kiểm tra, phát hiện hành vi mua bán dâm và thu giữ 01 bao cao su và số tiền 50.000đ của H.

Quá trình điều tra Phạm Xuân S khai phù hợp với lời khai của Trần Thị H về việc thống nhất nếu khách đến quán có nhu cầu mua dâm thì S sẽ là người trực tiếp môi giới thỏa thuận và thu tiền của khách còn H đi bán dâm cho khách, số tiền S chia cho H một nửa sau khi đã trừ tiền phòng. Khi H đang bán dâm cho khách tại nhà nghỉ Y thì bị bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số 24/VKS-HS ngày 19.5.2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố Phạm Xuân S về tội "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Phạm Xuân S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố mong HĐXX xử bị cáo mức án thấp nhất và xin được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

1) Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân S phạm tội "Môi giới mại dâm".

2) Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm p, h khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 328; điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14;

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân S từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo S cho UBND xã C, huyện D, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo cư trú để quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3) Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 30; khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Phạm Xuân S từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ sung quỹ nhà nước.

4) Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu số tiền 250.000đ sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 bao cao su chưa qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo S số tiền 1.480.000đ tuy nhiên cần bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

5) Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phạm Xuân S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ

vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bán dâm và người mua dâm, người làm chứng và vật chứng thu giữ, phù hợp với biên bản vụ việc, biên bản vi phạm hành chính về an ninh trật tự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/3/2017 tại quán cà phê Z thuộc thôn I, thị trấn J, huyện E, tỉnh Hải Dương, Phạm Xuân S có hành vi môi giới để Trần Thị H bán dâm cho đối tượng tự khai là Bùi Văn Q với giá 250.000đ/lần/lượt cả tiền phòng. Đến 19 giờ 50 phút cùng ngày khi Q và H đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 503 nhà nghỉ Y thì bị Công an huyện E phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Xuân S phạm tội: "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 255 BLHS như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Người nào dụ dỗ dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

Theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Người nào làm Q gian dụ dỗ dẫn dắt để người khác mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20.6.2017 của Quốc Hội. HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 328 BLHS năm 2015 để xét xử đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo là làm trung gian để H bán dâm cho Q, thỏa thuận giá cả. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ mục đích tư lợi cá nhân nên vẫn cố tình phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp tới quan hệ xã hội được pháp luật ghi nhận và bảo vệ đó là trật tự công cộng, xâm hại tới đạo đức xã hội, nếp sống văn minh, phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc và sức khoẻ của con người. Do đó cần thiết phải áp dụng đối với bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng TNHS, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Bị cáo có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Tuy nhiên căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 HĐXX cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng cho bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân tốt và nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà cần áp dụng Điều 60 BLHS cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo S, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo bằng hình thức phạt tiền.

Về biện pháp tư pháp:

- Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo S số tiền là 1.680.000đồng trong đó có 200.000đồng là tiền thu lời thông qua môi giới do vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước, số tiền còn lại 1.480.000đồng trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần bảo thủ để thi hành án.

- Cơ quan điều tra thu giữ 50.000đồng tại phòng 503 nhà nghỉ Y đây là số tiền dùng thuê phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm do vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Cơ quan điều tra thu giữ 01 bao cao su cần tịch thu tiêu huỷ vì không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Xuân S** phạm tội "Môi giới mại dâm".

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm p, h khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20.6.2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 328; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân S 07 (Bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 255; Điều 30 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Phạm Xuân S 01 triệu đồng sung quỹ nhà nước. Tiền phạt nộp một lần, thời hạn nộp trong một tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bị cáo Phạm Xuân S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468, Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tống tụng hình sự.

- Tịch thu số tiền 250.000đ sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo S 1.480.000đ nhưng cần bảo thủ để thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su.

(Toàn bộ số tiền và bao cao su được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án huyện E).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Xuân S phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện E;
- Công an huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Khánh Thiện